TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ

Tháng 3 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Giờ PN	PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương						BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**126**			**69.434.550**	**9**	**3.962.077**	**3**	**1.246.615**				**655.600**	**1.800.000**	**1.613.810**	**78.712.652**	**4.452.000**	**834.900**	**556.800**	**688.000**	**275.000**		**737.987**			**7.544.687**	**71.167.965**	
1	HL-01977	Trần Đại Nghĩa	Trưởng phòng	11.446.000	18	A		15.774.750	9	3.962.077	1	440.231							20.177.058	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000					1.405.900	18.771.158	
2	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	10.483.000	27	A		13.414.950								327.800	900.000	200.000	14.842.750	880.900	165.200	110.200	136.900	55.000		737.987			2.086.187	12.756.563	
3	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	10.483.000	27	A		13.414.950										480.000	13.894.950	877.100	164.500	109.700	127.400	55.000					1.333.700	12.561.250	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	10.483.000	27	A		13.414.950			1	403.192				327.800		733.810	14.879.752	923.600	173.200	115.500	136.700	55.000					1.404.000	13.475.752	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	10.483.000	27	A		13.414.950			1	403.192					900.000	200.000	14.918.142	854.700	160.300	106.900	138.000	55.000					1.314.900	13.603.242	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**90**			**36.423.000**					**1**	**350.000**	**60.206**	**298.000**	**900.000**		**38.031.206**	**1.920.000**	**360.200**	**240.100**	**355.100**	**220.000**					**3.095.400**	**34.935.806**	
6	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	5.609.000	19	A		10.413.900									900.000		11.313.900	448.800	84.200	56.100	107.200	55.000					751.300	10.562.600	
7	HL-06523	Dương Đình Thảo	Nhân viên	6.818.000	27	A		8.669.700								149.000			8.818.700	557.400	104.600	69.700	80.900	55.000					867.600	7.951.100	
8	HL-02977	Đào Thị Bích	Nhân viên	6.184.000	27	A		8.669.700							60.206				8.729.906	494.800	92.800	61.900	80.800	55.000					785.300	7.944.606	
9	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	5.088.000	17	A		8.669.700					1	350.000		149.000			9.168.700	419.000	78.600	52.400	86.200	55.000					691.200	8.477.500	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**410**		**147.315**	**148.824.562**	**78**	**16.676.309**	**4**	**893.269**			**38.696**	**372.500**		**2.200.000**	**169.005.336**	**8.185.600**	**1.535.400**	**1.024.300**	**1.582.500**	**1.045.000**	**28.600**		**1.322.250**	**884.000**	**15.607.650**	**153.397.686**	
10	HL-00270	Vũ Văn Bình	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	7.425	7.501.085											7.501.085	478.300	89.700	59.800	68.700	55.000			254.000		1.005.500	6.495.585	
11	HL-04220	Nguyễn Thị Quyên	NV bảo vệ	4.982.000	14	A	4.290	4.333.960	8	1.532.923					38.696				5.905.579	398.600	74.800	49.900	53.800	55.000					632.100	5.273.479	
12	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội trưởng bảo vệ	5.978.000	21	A	11.625	11.744.123	9	2.069.308						223.500		200.000	14.236.931	512.200	96.100	64.100	135.600	55.000					863.000	13.373.931	
13	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	7.215	7.288.933			1	229.923						200.000	7.718.856	494.300	92.700	61.800	70.700	55.000					774.500	6.944.356	
14	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	7.119	7.191.950										200.000	7.391.950	439.300	82.400	55.000	68.200	55.000			286.250		986.150	6.405.800	
15	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	6.942	7.013.136										200.000	7.213.136	439.300	82.400	55.000	66.400	55.000			248.000		946.100	6.267.036	
16	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	5.978.000	14	A	8.205	8.289.078	8	1.839.385	1	229.923						200.000	10.558.386	494.300	92.700	61.800	99.100	55.000			262.000		1.064.900	9.493.486	
17	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.978.000	21	A	9.405	9.501.375	9	2.069.308									11.570.683	478.300	89.700	59.800	109.400	55.000					792.200	10.778.483	
18	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.291.000	24	A	6.189	6.252.420											6.252.420	423.300	79.400	53.000	57.000	55.000					667.700	5.584.720	
19	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	7.755	7.834.467										200.000	8.034.467	439.300	82.400	55.000	74.600	55.000					706.300	7.328.167	
20	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	21	A	11.085	11.198.590	8	1.628.000	1	203.500				149.000		200.000	13.379.090	451.300	84.700	56.500	127.900	55.000					775.400	12.603.690	
21	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	5.291.000	23	A	8.415	8.501.230	7	1.424.500								200.000	10.125.730	439.300	82.400	55.000	95.500	55.000					727.200	9.398.530	
22	HL-01011	Nguyễn Văn Lẽ	NV bảo vệ	5.978.000	20	A	10.395	10.501.519	8	1.839.385									12.340.904	478.300	89.700	59.800	117.100	55.000	28.600				828.500	11.512.404	
23	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.435	6.500.941	5	1.017.500								200.000	7.718.441	439.300	82.400	55.000	71.400	55.000					703.100	7.015.341	
24	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	8.910	9.001.302										200.000	9.201.302	439.300	82.400	55.000	86.200	55.000					717.900	8.483.402	
25	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.291.000	18	A	8.250	8.334.539	8	1.628.000									9.962.539	423.300	79.400	53.000	94.100	55.000					704.800	9.257.739	
26	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	6.930	7.001.013			1	229.923						200.000	7.430.936	494.300	92.700	61.800	67.800	55.000			272.000	884.000	1.927.600	5.503.336	
27	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.291.000	20	A	9.405	9.501.375	8	1.628.000									11.129.375	423.300	79.400	53.000	105.700	55.000					716.400	10.412.975	
28	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	4	A	1.320	1.333.526											1.333.526				13.300	55.000					68.300	1.265.226	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Khe Sim - Chung cư HR**			**342**		**124.806**	**126.084.911**					**1**	**350.000**		**923.800**	**900.000**		**128.258.711**	**6.393.400**	**1.199.300**	**799.800**	**1.198.700**	**770.000**			**732.000**		**11.093.200**	**117.165.511**	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Giờ PN	PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương						BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
29	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.978.000	23	A	8.168	8.251.699											8.251.699	478.300	89.700	59.800	76.200	55.000					759.000	7.492.699	
30	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	23	A	10.993	11.105.647								298.000			11.403.647	518.600	97.300	64.900	107.200	55.000					843.000	10.560.647	
31	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.291.000	18	A	4.950	5.000.723											5.000.723	423.300	79.400	53.000	44.500	55.000					655.200	4.345.523	
32	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.978.000	27	A	7.673	7.751.627								149.000			7.900.627	490.200	92.000	61.300	72.600	55.000					771.100	7.129.527	
33	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.978.000	24	A	10.590	10.698.518								178.800	900.000		11.777.318	492.600	92.400	61.600	111.300	55.000			235.000		1.047.900	10.729.418	
34	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	24	A	7.673	7.751.627											7.751.627	423.300	79.400	53.000	72.000	55.000					682.700	7.068.927	
35	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	11.406	11.522.879					1	350.000		149.000			12.021.879	396.800	74.400	49.600	115.000	55.000			235.000		925.800	11.096.079	
36	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	11.654	11.773.421											11.773.421	423.300	79.400	53.000	112.200	55.000					722.900	11.050.521	
37	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	10.416	10.522.735								149.000			10.671.735	490.200	92.000	61.300	100.300	55.000					798.800	9.872.935	
38	HL-02312	Tống Văn Đảng	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	9.900	10.001.447											10.001.447	478.300	89.700	59.800	93.700	55.000			262.000		1.038.500	8.962.947	
39	HL-02396	Dương Viết Tuyến	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	10.592	10.700.538											10.700.538	478.300	89.700	59.800	100.700	55.000					783.500	9.917.038	
40	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	7.673	7.751.627											7.751.627	423.300	79.400	53.000	72.000	55.000					682.700	7.068.927	
41	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	7.920	8.001.158											8.001.158	398.600	74.800	49.900	74.800	55.000					653.100	7.348.058	
42	HL-05488	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	5.978.000	19	A	5.198	5.251.265											5.251.265	478.300	89.700	59.800	46.200	55.000					729.000	4.522.265	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**794**		**262.943**	**265.637.564**							**39.358**	**298.000**			**265.974.922**	**13.451.900**	**2.523.200**	**1.683.000**	**2.483.000**	**1.650.000**	**686.400**		**521.250**		**22.998.750**	**242.976.172**	
43	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	7.920	8.001.158											8.001.158	478.300	89.700	59.800	73.700	55.000	85.800				842.300	7.158.858	
44	HL-02185	Đỗ Bích Phượng	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	5.610	5.667.487							39.358				5.706.845	398.600	74.800	49.900	51.800	55.000					630.100	5.076.745	
45	HL-01495	Bùi Văn Ngạn	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	8.168	8.251.194											8.251.194	478.300	89.700	59.800	76.200	55.000					759.000	7.492.194	
46	HL-01404	Đặng Mạnh Tuấn	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	8.415	8.501.230											8.501.230	398.600	74.800	49.900	79.800	55.000	85.800				743.900	7.757.330	
47	HL-00216	Đặng Tài Tuệ	NV bảo vệ	5.978.000	27	B	11.097	11.210.713											11.210.713	478.300	89.700	59.800	105.800	55.000					788.600	10.422.113	
48	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.405	9.501.375											9.501.375	423.300	79.400	53.000	89.500	55.000	85.800				786.000	8.715.375	
49	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.291.000	21	A	3.962	4.002.744											4.002.744	423.300	79.400	53.000	34.500	55.000			235.000		880.200	3.122.544	
50	HL-00484	Nguyễn Trung Phương	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	8.910	9.001.302											9.001.302	478.300	89.700	59.800	83.700	55.000					766.500	8.234.802	
51	HL-00493	Hoàng Minh Hoài	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	10.911	11.022.807											11.022.807	478.300	89.700	59.800	104.000	55.000					786.800	10.236.007	
52	HL-00814	Nguyễn Anh Tuấn	NV bảo vệ	5.978.000	27	B	9.900	10.001.447											10.001.447	478.300	89.700	59.800	93.700	55.000					776.500	9.224.947	
53	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.567	9.665.035											9.665.035	423.300	79.400	53.000	91.100	55.000	85.800				787.600	8.877.435	
54	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.284	9.378.630											9.378.630	423.300	79.400	53.000	88.200	55.000					698.900	8.679.730	
55	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	9.000	9.092.225											9.092.225	478.300	89.700	59.800	84.600	55.000	85.800				853.200	8.239.025	
56	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	8.993	9.084.648											9.084.648	423.300	79.400	53.000	85.300	55.000	85.800				781.800	8.302.848	
57	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	27	A	11.655	11.774.431											11.774.431	494.800	92.800	61.900	111.200	55.000					815.700	10.958.731	
58	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	9.900	10.001.447											10.001.447	478.300	89.700	59.800	93.700	55.000					776.500	9.224.947	
59	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	5.291.000	22	A	5.940	6.000.868											6.000.868	423.300	79.400	53.000	54.500	55.000					665.200	5.335.668	
60	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	10.911	11.022.807								149.000			11.171.807	435.300	81.700	54.500	106.000	55.000					732.500	10.439.307	
61	HL-04096	Nguyễn Khắc Kiên	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	6.435	6.500.941											6.500.941	478.300	89.700	59.800	58.700	55.000					741.500	5.759.441	
62	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	23	A	5.940	6.000.868											6.000.868	478.300	89.700	59.800	53.700	55.000					736.500	5.264.368	
63	HL-06960	Đoàn Tuấn Anh	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	10.911	11.022.807											11.022.807	384.900	72.200	48.200	105.200	55.000					665.500	10.357.307	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Giờ PN	PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương						BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
64	HL-07569	Bùi Thanh Giang	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	7.920	8.001.150											8.001.150	398.600	74.800	49.900	74.800	55.000	85.800		286.250		1.025.150	6.976.000	
65	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	7.920	8.001.158											8.001.158	478.300	89.700	59.800	73.700	55.000	85.800				842.300	7.158.858	
66	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.831	9.931.740											9.931.740	423.300	79.400	53.000	93.800	55.000					704.500	9.227.240	
67	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	27	A	9.248	9.342.261								149.000			9.491.261	490.200	92.000	61.300	88.500	55.000					787.000	8.704.261	
68	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.248	9.342.261											9.342.261	423.300	79.400	53.000	87.900	55.000					698.600	8.643.661	
69	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.978.000	27	A	9.831	9.931.740											9.931.740	478.300	89.700	59.800	93.000	55.000					775.800	9.155.940	
70	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	8.415	8.501.230											8.501.230	478.300	89.700	59.800	78.700	55.000					761.500	7.739.730	
71	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.284	9.378.630											9.378.630	423.300	79.400	53.000	88.200	55.000					698.900	8.679.730	
72	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	27	B	8.415	8.501.230											8.501.230	423.300	79.400	53.000	79.500	55.000					690.200	7.811.030	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**422**		**126.015**	**127.306.296**	**20**	**4.422.385**						**506.600**			**132.235.281**	**7.633.800**	**1.431.900**	**955.200**	**1.222.400**	**935.000**	**686.400**		**235.000**		**13.099.700**	**119.135.581**	
73	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.291.000	27	A	12.762	12.892.774								178.800			13.071.574	437.600	82.100	54.700	125.000	55.000					754.400	12.317.174	
74	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	27	A	8.694	8.783.089											8.783.089	423.300	79.400	53.000	82.300	55.000	85.800		235.000		1.013.800	7.769.289	
75	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	6.818.000	25	A	9.000	9.092.225	6	1.573.385						178.800			10.844.410	559.800	105.000	70.000	101.100	55.000					890.900	9.953.510	
76	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	6.660	6.728.246											6.728.246	423.300	79.400	53.000	61.700	55.000					672.400	6.055.846	
77	HL-01960	Phạm Trúc Định	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	4.950	5.000.723											5.000.723	478.300	89.700	59.800	43.700	55.000					726.500	4.274.223	
78	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	5.291.000	21	A	4.950	5.000.723	9	1.831.500									6.832.223	423.300	79.400	53.000	62.800	55.000					673.500	6.158.723	
79	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.408	9.504.405											9.504.405	423.300	79.400	53.000	89.500	55.000					700.200	8.804.205	
80	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	5.978.000	23	A	8.559	8.646.706								149.000			8.795.706	490.200	92.000	61.300	81.500	55.000					780.000	8.015.706	
81	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	5.445	5.500.796											5.500.796	423.300	79.400	53.000	49.500	55.000					660.200	4.840.596	
82	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	23	A	6.435	6.500.941											6.500.941	423.300	79.400	53.000	59.500	55.000	85.800				756.000	5.744.941	
83	HL-05297	Đỗ Thế Trọng	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	8.883	8.974.026											8.974.026	478.300	89.700	59.800	83.500	55.000	143.000				909.300	8.064.726	
84	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	6.237	6.300.912											6.300.912	423.300	79.400	53.000	57.500	55.000					668.200	5.632.712	
85	HL-03113	Nguyễn Văn Nhiễu	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	9.072	9.164.962											9.164.962	478.300	89.700	59.800	85.400	55.000	143.000				911.200	8.253.762	
86	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	13	A	3.360	3.394.430											3.394.430	423.300	79.400	53.000	28.400	55.000					639.100	2.755.330	
87	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	27	A	8.505	8.592.152											8.592.152	423.300	79.400	53.000	80.400	55.000	85.800				776.900	7.815.252	
88	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	25	A	7.425	7.501.085	5	1.017.500									8.518.585	423.300	79.400	53.000	79.600	55.000	143.000				833.300	7.685.285	
89	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiễn	Bảo vệ cơ động	5.978.000	22	A	5.670	5.728.101											5.728.101	478.300	89.700	59.800	51.000	55.000					733.800	4.994.301	
Tổng cộng					**2.184**		**661.079**	**773.710.883**	**107**	**25.060.771**	**7**	**2.139.884**	**2**	**700.000**	**138.260**	**3.054.500**	**3.600.000**	**3.813.810**	**812.218.108**	**42.036.700**	**7.884.900**	**5.259.200**	**7.529.700**	**4.895.000**	**1.401.400**	**737.987**	**2.810.500**	**884.000**	**73.439.387**	**738.778.721**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2022

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng